

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC LUẬT – ĐH HUẾ NĂM 2025

(Cập nhật ngày 28/04/2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Luật, Đại học Huế (tên viết tắt: HUL)
- Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** DHA
- Địa chỉ trụ sở chính :** Số 20 Đường Võ Văn Kiệt, phường An Tây, Quận Thuận Hoá, TP. Huế
- Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <http://hul.edu.vn> (Trang thông tin tuyển sinh: <https://tuyensinh.hul.edu.vn/>)
- Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0234.3946997 - 0934757511

Email: tuyensinh@hul.edu.vn

Fanpage: <https://www.facebook.com/hul.edu.vn>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển: Theo quy định tại Điều 5 Quy chế Tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

- **Phương thức 1:** Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT

Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào đại học hệ chính quy năm 2025 với thí sinh là đối tượng được quy định tại Điều 8 của Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Thông tin chi tiết sẽ được quy định cụ thể tại Thông báo về việc xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển của Đại học Huế và Trường Đại học Luật.

- **Phương thức 2:** Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT (học bạ)

Sử dụng kết quả học tập các môn trong tổ hợp môn xét tuyển ở cấp THPT của **04 học kỳ, gồm 02 học kỳ năm học lớp 11 và 02 học kỳ năm học lớp 12** để tính điểm xét tuyển. Điểm các môn trong tổ hợp môn xét tuyển là điểm trung bình chung (làm tròn đến 1 chữ số thập phân) mỗi môn học của 04 học kỳ (02 học kỳ năm học lớp 11 và 02 học kỳ năm học lớp 12). Điều kiện xét tuyển là tổng điểm các môn trong tổ hợp môn xét tuyển phải ≥ 18.0 :

$ĐXT = \{(Môn\ 1 + Môn\ 2 + Môn\ 3)\}$ quy đổi tương đương} + Điểm cộng (nếu có)

ĐƯT (nếu có)

(Trong đó, *ĐXT*: Điểm xét tuyển; *ĐƯT*: Điểm ưu tiên)

Quy tắc quy đổi tương đương thực hiện theo quy định chung của Đại học Huế.

*** Ghi chú:**

+ *Thí sinh có thể áp dụng đồng thời nhiều mức điểm cộng tương ứng với các thành tích đạt được tuy nhiên Điểm cộng không vượt 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét tuyển (3 điểm/ thang 30 điểm)*

+ *Điểm xét tuyển tối đa của một thí sinh là 30 điểm.*

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức dựa trên kết quả học tập bậc THPT thực hiện theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT.

Ví dụ: Thí sinh đăng ký xét tuyển vào Ngành Luật - mã ngành 7380101 của Trường Đại học Luật, Đại học Huế bằng tổ hợp C00: Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí, không có điểm cộng, không thuộc đối tượng ưu tiên và có kết quả học tập như sau:

Tổ hợp C00	Ngữ văn	Lịch sử	Địa lý
Học kì 1 – Lớp 11	8,8	9,0	8,2
Học kì 2 – Lớp 11	8,3	8,7	9,0
Học kì 1 – Lớp 12	9,0	8,9	8,8
Học kì 2 – Lớp 12	9,1	9,2	8,5
Điểm trung bình chung	$(8,8+8,3+9,0+9,1)/4 = 8,8$	$(9,0+8,7+8,9+9,2)/4 = 9,0$	$(8,2+9,0+8,8+8,5)/4 = 8,6$
Tổng điểm xét tuyển học bạ	$8,8 + 9,0 + 8,6 = 26,4$		
Điểm xét tuyển	26,4 điểm quy đổi tương đương		

- Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả của Kỳ thi TN THPT năm 2025

Trường Đại học Luật không sử dụng kết quả miễn thi bài thi môn ngoại ngữ của kỳ thi tốt nghiệp THPT.

Điểm xét tuyển là tổng điểm 03 môn trong tổ hợp xét tuyển của điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

$$ĐXT = (\text{Môn 1} + \text{Môn 2} + \text{Môn 3}) + \text{Điểm cộng (Nếu có)} + ĐƯT (\text{nếu có})$$

(Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐƯT: Điểm ưu tiên)

*** Ghi chú:**

+ *Thí sinh có thể áp dụng đồng thời nhiều mức điểm cộng tương ứng với các thành tích đạt được tuy nhiên Điểm cộng không vượt 10% mức điểm tối đa của thang điểm xét tuyển (3 điểm/ thang 30 điểm)*

+ *Điểm xét tuyển tối đa của một thí sinh là 30 điểm.*

BẢNG QUY ĐỊNH ĐIỂM CỘNG

Stt	Tiêu chí	Loại giải hoặc Mức điểm	Điểm cộng
1	Kết quả học tập cấp trung học phổ thông		
1.1	Thí sinh thuộc các trường THPT chuyên, THPT năng khiếu, THPT thực hành có học lực xếp loại từ giỏi trở lên ở năm học lớp 12		3,0
1.2	Thí sinh thuộc các trường THPT có học lực xếp loại từ giỏi trở lên ở năm học lớp 11 và năm học lớp 12		3,0
2	Các giải thuộc cuộc thi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương		
	Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương các năm 2023, 2024, 2025 ở các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Giáo dục Kinh tế & Pháp luật (hoặc Giáo dục công dân đối với thí sinh học Chương trình giáo dục phổ thông được ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006).	Giải Nhất	3,0
		Giải Nhì	2,5
		Giải Ba	2,0
3	Chứng chỉ Tiếng Anh còn thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp tính đến ngày 12/8/2025		
3.1	IELTS	5.0	1,0
		5.5	1,5
		6.0	2,0
		6.5	2,5
		≥ 7.0	3,0
3.2	TOEFL iBT	35 – 45	1,0
		46 – 59	1,5
		60 – 78	2,0
		79 – 93	2,5
		≥ 94	3,0

3.3	TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	2,0
		Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179	2,5
		Nghe: ≥ 490 Đọc: ≥ 455 Nói: ≥ 180 Viết: ≥ 180	3,0
4	Học lực xếp loại từ khá trở lên trong cả 3 năm học THPT và đáp ứng điều kiện về ngoại ngữ khác		
	Là học sinh lớp 12 chuyên <i>hoặc</i> học lớp song ngữ: tiếng Pháp/tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung/tiếng Nga, tiếng Đức và điểm trung bình tiếng Pháp/tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung/tiếng Nga, tiếng Đức năm lớp 12 từ 7,5 điểm trở lên.	7,5 - <8,0	1,5
		8,0 - <8,5	2,0
		8,5 - <9,0	2,5
		$\geq 9,0$	3,0

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các phương thức tuyển sinh thực hiện theo quy định chung của Đại học Huế và sẽ được công bố sau khi Bộ GD&ĐT công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với các ngành đào tạo giáo viên và ngành sức khỏe có cấp giấy phép hành nghề.

- Hệ số các môn trong tổ hợp môn xét tuyển là tương đương nhau.

- Không có chênh lệch điểm chuẩn giữa các tổ hợp môn xét tuyển.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

Số TT	Tên trường, Ngành học	Mã ngành	Tổ hợp môn xét tuyển	Mã tổ hợp môn xét tuyển	Chi tiêu	Phương thức xét tuyển	Ghi chú
1.	TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT						
1	Luật	7380101	1. Toán, Lý, Hóa	A00	700	Phương thức 1, 2,3	
			2. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	C00			
			3. Ngữ văn, Lịch sử, GD KT&PL	C19			
			4. Ngữ văn, Địa lí, GD KT&PL	C20			
			5. Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01			
			6. Ngữ văn, GD KT&PL, Tiếng Anh	D66			
2	Luật Kinh tế	7380107	1. Toán, Lý, Hóa	A00	700	Phương thức 1, 2,3	
			2. Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	C00			
			3. Ngữ văn, Lịch sử, GD KT&PL	C19			
			4. Ngữ văn, Địa lí, GD KT&PL	C20			
			5. Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	D01			
			6. Ngữ văn, GD KT&PL, Tiếng Anh	D66			

* Lưu ý: đối với thí sinh học Chương trình giáo dục phổ thông được ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006 thì sử dụng kết quả môn Giáo dục công dân thay cho kết quả môn Giáo dục KT&PL trong xét tuyển.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Nếu số thí sinh có cùng mức điểm xét tuyển lớn hơn chỉ tiêu xét tuyển thì ưu tiên xét tuyển các thí sinh có điểm trung bình chung học tập năm học lớp 12 cao hơn.

6. Chính sách ưu tiên

- Các thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực, tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh hiện hành;

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT được tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo các tiêu chí cụ thể như sau:

1. Thí sinh là thành viên chính thức đội tuyển quốc gia dự kỳ thi Olympic quốc tế, thành viên chính thức đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế.
2. Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Pháp; thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia.

Thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng được ưu tiên xét tuyển theo Quy chế hiện hành.

7. Chính sách khen thưởng và học bổng tuyển sinh năm 2025

7.1. Khen thưởng dành cho thí sinh đạt Thủ khoa Trường, Á khoa Trường

+ Khen thưởng dành cho thí sinh đạt Thủ khoa Trường, Á khoa Trường xét dựa trên điểm thi TN THPT năm 2025 của thí sinh, không phân biệt phương thức xét tuyển, không tính điểm ưu tiên, không tính điểm cộng.

+ Thủ khoa được khen thưởng: 30.000.000 đồng (xét theo điểm thi TN THPT năm 2025).

+ Á khoa được khen thưởng: 20.000.000 đồng (xét theo điểm thi TN THPT năm 2025).

(Trường hợp có số điểm ngang nhau thì xét học bổng căn cứ kết quả học tập trung bình cả năm lớp 12 của thí sinh).

7.2. Học bổng dành cho thí sinh có kết quả cao trong kì thi TN THPT 2025

+ Thí sinh có điểm thi TN THPT năm 2025 từ 28 điểm trở lên (không tính điểm ưu tiên, không tính điểm cộng): cấp học bổng tương đương học phí của năm học thứ 4 trong khóa học, ưu tiên tuyển chọn đi học nước ngoài theo các chương trình trao đổi sinh viên giữa Trường Đại học Luật và các đại học khác trên thế giới, xét và cấp học bổng tài trợ của tổ chức, cá nhân tài trợ cho sinh viên,...

+ Thí sinh có điểm thi TN THPT năm 2025 từ 26 điểm đến dưới 28 điểm (không tính điểm ưu tiên, không tính điểm cộng): cấp học bổng tương đương học phí của học kì 1 năm học thứ 4 trong khóa học, xét và cấp học bổng tài trợ của tổ chức, cá nhân tài trợ cho sinh viên,...

* *Ghi chú:* Thí sinh có điểm thi TN THPT năm 2025 từ 26 điểm trở lên, không phân biệt tổ hợp xét tuyển, không tính điểm ưu tiên, không tính điểm cộng, được nhận các mức học bổng kể trên.

7.3. Học bổng dành cho thí sinh Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT

+ Đối tượng: Thí sinh là thành viên chính thức đội tuyển dự kỳ thi Olympic quốc tế; thành viên chính thức đội tuyển quốc gia dự Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế *hoặc* Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Pháp hoặc thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia;

+ Chế độ học bổng: *học bổng toàn phần khóa học*

7.4. Học bổng dành cho thí sinh đạt được điểm cộng trong xét tuyển

+ Đối tượng 1: Thí sinh thuộc các trường THPT chuyên, THPT năng khiếu, THPT thực hành có học lực xếp loại từ giỏi trở lên ở năm học lớp 12 và được điểm cộng trong xét tuyển.

+ Đối tượng 2: Thí sinh thuộc các trường THPT có học lực xếp loại từ giỏi trở lên năm học lớp 11 và năm học lớp 12 và được điểm cộng trong xét tuyển.

+ Đối tượng 3: Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh còn thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp tính đến ngày 12/8/2025 và được điểm cộng trong xét tuyển.

+ Đối tượng 4: Thí sinh có học lực xếp loại từ khá trở lên trong cả 3 năm học THPT và là học sinh lớp 12 chuyên hoặc học lớp song ngữ: tiếng Pháp/tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung/tiếng Nga, tiếng Đức và điểm trung bình tiếng Pháp/tiếng Nhật/tiếng Hàn/tiếng Trung/ tiếng Nga, tiếng Đức năm lớp 12 từ 7,5 điểm trở lên và được điểm cộng trong xét tuyển.

+ Đối tượng 5: Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương các năm 2023, 2024, 2025 ở các môn Toán, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh, Tiếng Pháp, Giáo dục Kinh tế & Pháp luật (hoặc Giáo dục công dân), được cộng điểm khuyến khích trong xét tuyển.

+ Chế độ học bổng: *học bổng tương đương học phí của học kì 1 năm học thứ 3 trong khóa học*

* *Ghi chú:* Thí sinh đạt nhiều mức học bổng thì chỉ nhận mức học bổng cao nhất.

8. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có): Dự kiến mức thu năm học 2025 – 2026 là 16 triệu đồng/năm/sinh viên; mức tăng hàng năm (nếu có) không quá 20% so với mức học phí năm liền kề.

III. LỊCH TRÌNH TUYỂN SINH

- Năm 2025, Theo theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT, tất cả các phương thức xét tuyển thí sinh đều thực hiện đăng ký trên hệ thống của Bộ GD&ĐT.

- Lịch trình tuyển sinh như sau (theo hướng dẫn tuyển sinh đại học năm 2025 của Bộ GD&ĐT)

STT	Thời gian	Nội dung
1.	Ngày 16/7 đến 17h ngày 28/7	Thí sinh đăng ký, điều chỉnh nguyện vọng xét tuyển vào đại học trực tuyến trên hệ thống của Bộ GD&ĐT
2.	Trước 17h ngày 23/7	Công bố điểm sàn xét tuyển
3.	Ngày 29/7 đến 17h ngày 5/8	Thí sinh nộp lệ phí đăng ký xét tuyển trực tuyến trên hệ thống của Bộ GD&ĐT
4.	Ngày 16/8-20/8	Bộ GD&ĐT xử lý nguyện vọng xét tuyển (lọc ảo)
5.	Trước 17h30 ngày 30/8	Thí sinh hoàn thành xác nhận nhập học trên hệ thống của Bộ GD&ĐT